TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/DS-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huyền Nga – Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà My - Thư ký TAND quận H – Thành phố H

***Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa*:** Ông Ngô Minh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLST – DS ngày 09 tháng 02 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 106 /2018/QĐST-DS ngày 13/11/2018, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1974

Bà Đỗ Như H, sinh năm: 1979

Cùng trú tại: Phường V, quận H – thành phố H.

Cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến Q – sinh năm: 1981 và bà Trịnh Thị Hoàng H – sinh năm: 1990.

Cùng địa chỉ: Phường Đ, quận H, thành phố H.

Hợp đồng ủy quyền ngày 28/2/2017 số công chứng 1268.17 tại phòng công chứng số M.

(Ông Q có mặt, bà H vắng mặt)

**** Bị đơn:*** Bà Doãn Thị Y - Sinh năm: 1972

Trú tại: Phường V, quận H, thành phố H.

(Bà Y vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Như H trình bày:

Năm 2013, vợ chồng ông bà có cho bà Doãn Thị Y vay nợ số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) theo các giấy vay nợ như sau:

- Giấy vay tiền ngày 24/06/2013: Bà Doãn Thị Y vay vợ chồng ông bà số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Tại giấy vay tiền này, ngày 03/09/2013, bà Y xác nhận còn nợ bà H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Tổng cộng số tiền bà Y đã vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Giấy vay tiền ngày 16/10/2013: Bà Y có vay của vay vợ chồng ông bà số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Giấy vay tiền ngày 23/10/2013: Bà Y có vay của vợ chồng ông bà số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Giấy vay tiền ngày 24/12/2013: Bà Y có vay của vợ chồng ông bà số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Bà Y có vay của vợ chồng ông bà số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Như vậy, tổng số tiền bà Y vay của vợ chồng ông bà là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Vợ chồng ông bà đã nhiều lần đề nghị bà Y thanh toán số nợ trên nhưng bà Y không thực hiện việc thanh toán. Nay bà H ông H khởi kiện yêu cầu bà Y phải trả khoản nợ 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

Ngoài ra ông bà không có yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 11/8/2017, bị đơn – bà Doãn Thị Y trình bày:

Bà và vợ chồng ông bà H H là hàng xóm có quen biết nhau. Khoảng năm 2013, bà H chủ động sang nhà bà nói có cần tiền thì cho vay. Theo các giấy vay nợ ngày 24/6/2013, 16/10/2013, 23/10/2013, 24/12/2013, 26/12/2013, bà xác nhận đúng là chữ ký của bà. Đối với giấy vay nợ ngày 24/6/2013, bà chỉ xác nhận là nợ 100 (một trăm) triệu đồng, còn phía dưới phần giấy vay này ghi gộp khoản tiền 100 (một trăm) triệu

đồng ngày 16/10/2013 sau này mới ghi thêm. Đối với giấy vay nợ ngày 23/10/2013, bà xác nhận vay 300 (ba trăm) triệu đồng. Đối với giấy vay nợ ngày 24/12/2013, bà xác nhận vay 60 (sáu mươi) triệu đồng. Đối với giấy vay nợ ngày 26/12/2013, bà xác nhận vay 140 (một trăm bốn mươi) triệu đồng. Tất cả các chữ số ghi ngày tháng năm của giấy vay nợ trên bà không thừa nhận đó là chữ viết của bà. Bà xác nhận vay tiền của vợ chồng bà H ông H với số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) chứ không phải 800 (tám trăm) triệu đồng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà có ý kiến như sau:

Mặc dù trong giấy vay tiền không có lãi suất nhưng hàng tháng bà Y vẫn trả lãi cho bà H ông H là 5%/tháng. Việc vay nợ diễn ra từ nhiều năm trước đó, còn các giấy vay tiền trên chỉ thể hiện số tiền chốt lại là 70 (bảy trăm) triệu đồng đến ngày 26/12/2013. Đến tháng 10/2015, do không có điều kiện kinh tế nên bà không trả lãi nữa nhưng vẫn trả dần theo các đợt 14 triệu, 16 triệu, 02 triệu, 10triệu, 02 triệu,5 triệu, 50 triệu, 15 triệu, 3 triệu, 1,4 triệu. Ngoài ra, sau khi vay tiền của bà H ông H, bà có cho ông Đỗ Hữu H (anh trai bà H) vay số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Anh H cam kết sẽ trừ số nợ trên vào tiền bà Y nợ bà H. Sau khi trừ các lần đã trả nợ cho bà H, ông H thì hiện nay, bà chỉ còn nợ vợ chồng bà H ông H số tiền là 451.600.000đ (Bốn trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng). Nay vợ chồng ông bà H – H đòi tiền số nợ trên, bà không chấp nhận vì đã trả lãi cho đến năm 2015 là quá số nợ gốc. Mỗi tháng bà phải trả 35 (ba mươi lăm) triệu đồng/tháng/700 triệu đồng. Trong 02 năm bà đã trả 840.000.000 đồng. Việc trả lãi chỉ có bà và vợ chồng H H, không có ai chứng kiến và cũng không có giấy xác nhận. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ông Đỗ Hữu H (anh trai bà H) có lời khai như sau: Việc bà Doãn Thị Y khai bà Y cho ông H vay 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và xác nhận trừ số tiền này vào số nợ bà Y vay bà H ông H là không đúng. Ông H không có mối quan hệ gì với bà Y.

<u>Tại phiên toà</u>:

Nguyên đơn xác nhận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Y đã thừa nhận có vay ông H, bà H theo các giấy vay tiền. Đối với ý kiến của bà Y khai đã trả lãi gốc và một số vấn đề khác nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến bà Y. Đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Doãn Thị Y phải trả cho ông H, bà H số tiền là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét tiền lãi của khoản nợ trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên lãi suất theo quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử. Xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng. Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện quy định của pháp luật. Về thời hạn xét xử có quá hạn nhưng có yếu tố khách quan vụ án bị kéo dài do phải niêm yết các văn bản của Tòa án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

Nguyên đơn xuất trình các giấy vay nợ có chữ ký của bị đơn. Bị đơn thừa nhận có vay 700 triệu đồng và đã trả lãi 5%/tháng và trả nợ gốc là 451.600.000đ nhưng các lần trả không có giấy tờ gì. Toà án đã ra tống đạt hợp lệ các thông báo về việc giao nộp chứng cứ yêu cầu bị đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nhưng bị đơn không xuất trình tài liệu cũng như không đến Toà án để làm việc. Bị đơn không đến Tòa thực hiện quyền tố tụng của mình đồng thời không xuất trình tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Căn cứ Khoản 3 Điều 39; Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 466; khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Đề xuất: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Doãn Thị Y có trách nhiệm thanh toán số nợ 800 (tám trăm) triệu đồng cho ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Như H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Bà Doãn Thị Y là bị đơn trong vụ án. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo đến Tòa làm việc và các Quyết định, Thông báo khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập bà Yến đến Tòa án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp tiền vay nợ theo đơn khởi kiện của ông H, bà H. Tuy nhiên bà Y chỉ trình bày lời khai của mình tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2017 có sự chứng kiến của tổ trưởng tổ dân phố H, phường V, quận H, Thành phố H. Ngoài ra bà Y vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 14h00 ngày 13/11/2018 nhưng bà Y vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lịch xét xử vào hồi 09h00' ngày 29/11/2018. Tại phiên tòa hôm nay, bà Y tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông H, bà H khởi kiện yêu cầu bà Y phải trả số nợ theo các giấy vay tiền có chữ ký của bà Y nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

2.1. Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Như H:

Năm 2013, vợ chồng bà Đỗ Như H và ông Nguyễn Văn H có cho bà Doãn Thị Y vay nợ số tiên 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) theo các giấy vay nợ từ ngày 24/6/2013 đến ngày 24/12/2013, tổng số tiền bà Y vay của bà H ông H là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Khi vay 02 bên có viết giấy vay tiền có chữ ký và viết đầy đủ họ tên của người vay là bà Y. Trong các giấy vay tiền này hai bên không thỏa thuận về thời hạn vay, thời hạn trả và lãi suất. Do bà Y không thực hiện việc thanh toán nên bà H ông H khởi kiện yêu cầu bà Y phải trả khoản nợ 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) và không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền lãi của khoản nợ trên. Bà Doãn Thị Y thừa nhận có vay tiền của vợ chồng bà H ông H nhưng là số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Đối với khoản vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) ghi gộp vào giấy vay tiền ngày 24/6/2013 là sau này được ghi thêm vào, bà Y không thừa nhận khoản tiền vay được ghi gộp vào giấy vay ngày 24/6/2013. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Y không chấp nhận vì bà cho rằng đã trả lãi cho đến năm 2015 là quá số nợ gốc.

Hội đồng xét xử xét thấy: tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2017 bà Y thừa nhận: các giấy vay tiền ngày 24/6/2013, 16/10/2013, 23/10/2013, 24/12/2013, 26/12/2013 đúng là chữ ký của bà. Đối với giấy vay nợ ngày 24/6/2013, bà chỉ xác nhận là nợ 100 (một trăm) triệu đồng, còn phía dưới phần giấy vay này ghi gộp khoản tiền 100 (một trăm) triệu đồng ngày 16/10/2013 sau này mới ghi thêm. Tuy nhiên, bà Y không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh về lời khai này. Tòa án đã yêu cầu bà Y xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp và yêu cầu bà Y đến Tòa để đối chất giữa các bên nhưng bà Y vắng mặt. Căn cứ Điều 6, Điều 9, khoản 1 Điều 35, điểm a,c Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 96 – Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự, việc cung cấp chứng cứ chứng minh trong tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy bà Y không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc số tiền 100 (một trăm) triệu đồng là viết thêm, trong khi bà thừa nhận các giấy vay tiền đúng là chữ ký của bà nên bà phải chịu trách nhiệm cho khoản vay này. Xác định tổng số tiền ông H, bà H cho bà Y vay là 800 (tám trăm triệu) đồng chẵn.

Bà Y không chấp nhận trả số tiền trên, lý do bà đưa ra là đã trả lãi cho đến năm 2015 là quá số nợ gốc. Tuy nhiên, tại các giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận trả tiền lãi. Việc này bà Y cũng thừa nhận. Bà Y khai trả lãi rất nhiều lần, đến tháng 10/2015, do không có điều kiện kinh tế nên bà Y không trả lãi nữa và đã trả nợ gốc theo các lần khác nhau và liệt kê các khoản tiền đã trả tuy nhiên bà cũng thừa nhận việc trả tiền chỉ có bà và vợ chồng H H, không có ai chứng kiến và cũng không có giấy xác nhận số tiền đã trả. Hội đồng xét xử xét thấy bà Y không chứng minh được số tiền đã trả cho ông H, bà H nên theo quy định tại Điều 466, Điều 469, Bộ luật dân sự năm 2015, bà Y phải có nghĩa vụ trả cho ông H, bà H số tiền nợ gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) theo các giấy vay tiền ngày 24/6/2013, 16/10/2013, 23/10/2013, 24/12/2013, 26/12/2013. Do các giấy vay tiền các bên không thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Nguyên đơn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét về số tiền lãi của khoản nợ 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

Bà Y có lời khai: sau khi vay tiền của bà H ông H, bà Y có cho ông Đỗ Hữu H (anh trai bà H) vay số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Anh H

cam kết sẽ trừ số nợ trên vào tiền bà Y nợ bà H. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Đỗ Hữu H (anh trai bà H). Ông H khai: việc bà Doãn Thị Y khai bà Y cho ông H vay 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và xác nhận trừ số tiền này vào số nợ bà Y vay bà H ông H là không đúng. Ông H không có mối quan hệ gì với bà Y. Do đó không có cơ sở để xem xét lời khai này của bà Y.

Về án phí: Bà Y phải chịu án phí theo quy định. Ông H, bà H do ông Q, bà H là đại diện theo ủy quyền được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 điều 26; điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 267; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 688 - Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 - Luật phí và lệ phí 2015.

- Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm d khoản 1.3 Điều 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Như H do ông Nguyễn Tiến Q và bà Trịnh Thị Hoàng H là đại diện theo ủy quyền đối với bà Doãn Thị Y.

2. Bà Doãn Thị Y phải trả cho ông H, bà H số tiền là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) theo các giấy vay tiền ngày 24/6/2013, 16/10/2013, 23/10/2013, 24/12/2013, 26/12/2013.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo quy định tại khoản 2 - Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Như H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 10.800.000đ tại biên lai số: AC/2015/0002340 ngày 09/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H.

Bà Doãn Thị Y phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Như H do ông Nguyễn Tiến Q đại diện theo ủy quyền, vắng mặt bà Doãn Thị Y. Những người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q.H;*
- *TAND TP H;*
- *VKSND TP H;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Q.H;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hồng Hạnh